

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24-3-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng;

Ông Duyên Văn Hiền.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Từ Thanh T**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị U**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Từ Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị U sống chung năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc. Hiện tại vợ chồng anh đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị U.

Về con chung: Có 03 người con chung, cháu Từ Thanh T– sinh năm 2004, Từ Xuân Q – sinh ngày 10/12/2005 và Từ Ngọc Anh Thư – sinh ngày 17/9/2010; cháu T đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết; các cháu Q và T hiện đang sống cùng với anh. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Lê Thị U đúng theo quy định pháp luật nhưng chị U không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị U có nơi trú tại ấp 3, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị U, yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là người khởi kiện, chị U là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự anh T là nguyên đơn, chị U là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị U đã được tòa án triệu tập xét xử đúng quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị U theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 27/8/2012 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị U được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị U và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Tại phiên tòa, anh T xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị U.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 người con chung, cháu Từ Thanh T – sinh năm 2004, Từ Xuân Q – sinh ngày 10/12/2005 và Từ Ngọc Anh T – sinh ngày 17/9/2010; cháu T đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết; các cháu Q và

T hiện đang sống cùng với anh và anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu. Xét thấy, chị U hiện không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện tại các cháu đang sống cùng anh T. Tòa án có tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T và cháu có nguyện vọng được sống chung với anh T. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị U nhưng chị vẫn vắng mặt không tham dự hòa giải và xét xử tại tòa cũng như không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Q và Thư cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với kiện cụ thể các bên, nguyện vọng các cháu và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là ý chí tự nguyện của anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị U không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Từ Thanh T với chị Lê Thị U.

2. Về con chung: Giao con chung Từ Xuân Q – sinh ngày 10/12/2005 và Từ Ngọc Anh T – sinh ngày 17/9/2010 cho anh Từ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị Lê Thị U không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh Từ Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004387 ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, anh Từ Thanh T không phải nộp tiếp.

Anh Từ Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Lê Thị U được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp